

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 90/2023/DS-ST

Ngày: 29 – 3 – 2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trường H

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hường

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Minh Chiến, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1946 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp VT, xã KL, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn H (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp VT, xã KL, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 06/02/2023, biên bản làm việc ngày 24/02/2023, ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Khoảng năm 2017, vợ ông là bà Lê Thị V có cho ông Nguyễn Văn H vay số tiền 13.000.000đ, sau đó ông H có trả được 7.000.000đ thì ngưng luôn. Khi vợ ông yêu cầu ra Tổ hòa giải ấp thì ông H hứa trả mỗi tháng 500.000đ nhưng ông H không thực hiện. Do vợ ông bệnh tai biến không nhận thức và đi lại được nên ông đứng đơn khởi kiện ông H, ông cam kết bà V sẽ không khiếu nại gì do đây cũng là tài sản chung của vợ chồng ông.

Trong đơn khởi kiện ông ghi mượn 4.500.000đ là nhầm lẫn, thực tế số tiền nợ là 6.000.000đ. Thời gian vay từ năm 2017 nhưng không có tài liệu, chứng cứ nên ông yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày hòa giải đến nay trên số tiền 6.000.000đ.

Do tuổi già, bệnh tật đi lại khó khăn nên ông yêu cầu Tòa án không tổ chức hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử. Ông xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án.

* Trong biên bản hòa giải của Tổ hòa giải ấp VT ngày 15/06/2022, ông Nguyễn Văn H thừa nhận trước đây có hỏi vay của bà Lê Thị V số tiền 13.000.000đ, sau này ông đã trả được 7.000.000đ, hiện còn nợ 6.000.000đ và cam kết trả mỗi tháng 500.000đ đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn H vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Loại việc các bên tranh chấp là hợp đồng vay tài sản nên loại việc tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc vắng mặt của ông Nguyễn Văn H: Mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cũng như triệu tập đến phiên tòa xét xử vụ án nhiều lần nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có ý kiến phản hồi để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định.

Về việc đề nghị vắng mặt của ông Nguyễn Văn Đ: Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ theo quy định.

[2] Về nội dung: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là hợp đồng vay tài sản. Căn cứ lời thừa nhận trong biên bản hòa giải ngày 15/6/2022 của Tổ hòa giải ấp VT, xã KL, huyện T, thể hiện: Ông Nguyễn Văn H có vay của bà Lê Thị Vui (vợ ông Đ) số tiền 13.000.000đ và hiện còn nợ 6.000.000đ. Nay đã phát sinh tranh chấp nên được chấp nhận làm cơ sở thanh lý hợp đồng.

[3] Về nghĩa vụ thanh toán nợ: Trên thực tế và sự thừa nhận nợ của ông H nên buộc ông H phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Đ số tiền vay 6.000.000đ vốn gốc là hoàn toàn có căn cứ. Việc ông H không tham gia phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì ông phải tự gánh chịu hậu quả của việc không chứng minh hoặc chứng minh không đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình.

[4] Đối với mức lãi suất các bên thỏa thuận 5%/tháng là cao so với quy định của pháp luật nhưng các bên không đưa ra được số tiền lãi đã trả và đã nhận, cũng không đặt ra yêu cầu điều chỉnh nên không có cơ sở đối trừ. Quá trình làm việc, ông Đ yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ thời điểm hòa giải (15/6/2022) đến nay trên số tiền 6.000.000đ. Xét thấy việc yêu cầu của ông Đ là phù hợp pháp luật và có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

Từ ngày 15/6/2022 đến ngày 29/3/2023 (ngày xét xử sơ thẩm) là 09 tháng 14 ngày. $6.000.000đ \times 1,66\% \times 09 \text{ tháng } 14 \text{ ngày} = 942.880đ$.

[5] Về thời gian thanh toán nợ: Ông Đ yêu cầu ông H thanh toán nợ cho ông Đ dứt điểm một lần. Xét thấy, thời gian và phương thức thanh toán nợ thuộc thẩm

quyền của Cơ quan thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau xem xét, giải quyết trong giai đoạn thi hành án.

[6] Do phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông Đ nên ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Ông Đ không phải chịu án phí, đã được xét miễn nộp tạm ứng án phí nên không hoàn lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- **Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;**
- **Căn cứ các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;**
- **Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.**

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ – buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho ông Đ tổng số tiền 6.942.880đ (Sáu triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn tám trăm tám mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Nguyễn Văn H phải chịu 347.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí, ngày 06/02/2023, ông Đ được thông báo miễn nộp tạm ứng án phí nên không hoàn lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nh được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Hứa Minh Hải